

# Một số vấn đề đặt ra về đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các địa phương duyên hải Nam Trung bộ

ThS. NGUYỄN VĂN HÙNG

**T**rong những năm qua các địa phương Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB) đã đạt nhiều kết quả về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Số dự án và số vốn hàng năm đều tăng lên đáng kể. Tính đến tháng 12 năm 2005 các địa phương này đã có 318 dự án với số vốn đăng ký lên đến gần 4 tỷ USD. Với số vốn cao hơn nhiều vùng khác trong cả nước, gấp gần 3 lần Bắc Trung bộ về số dự án và 2,5 lần về số vốn đăng ký, gấp 3 lần về số dự án và số vốn đối với Tây Nguyên và cao hơn nhiều so với vùng núi phía Bắc, Đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng việc thu hút đầu tư nước ngoài ở DHNTB cơ bản chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của vùng, chưa đáp ứng xu thế hội nhập và yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội.

## 1. Quy mô và cơ cấu đầu tư còn bất hợp lý

Mặc dù có nhiều cố gắng trong thu hút vốn đầu tư nhưng số lượng các dự án và số vốn đăng ký cũng như vốn thực hiện còn rất thấp, đặc biệt là so với các địa phương thuộc Đông Nam bộ và Đồng bằng Sông Hồng, số dự án FDI của DHNTB chỉ bằng 4,4% so với tổng dự án của cả nước, bằng 21,6% so với Đồng bằng sông Hồng, 6,35% với Đông Nam bộ, 27,8% tỉnh Bình Dương, 33,9% thành phố Hà Nội, và 14% so với thành phố Hồ Chí Minh. Số vốn đăng ký của DHNTB chỉ bằng 5,58% so với cả nước, 22,17% với Đồng bằng

Sông Hồng, 17,47% Đông Nam bộ, 6 tỉnh và thành phố DHNTB chỉ bằng 72% của tỉnh Bình Dương, 23% thành phố Hồ Chí Minh.

FDI đầu tư vào DHNTB bị hạn chế do đó đóng góp vào sự tăng trưởng không đáng kể, chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Bình quân cả vùng hàng năm chưa đạt đến 1% so với GDP. Quảng Ngãi năm 2004 tỷ lệ đóng góp của FDI vào GDP là 0,078% và năm 2005 là 0,062%. FDI hàng năm đều tăng cả về số dự án và tổng số vốn, nhưng tỷ trọng vốn FDI có xu hướng giảm dần do tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức đầu tư trong nước. Tỷ trọng vốn FDI so với vốn toàn xã hội từ 15% thời kỳ 1996-2000, xuống còn 10% trong thời gian 2001-2005. Đây cũng là xu hướng chung của nước ta (cả nước năm 1996-2000 tỷ trọng vốn đầu tư FDI so với toàn xã hội là 24%, năm 2001-2005 là 17%).

Về cơ cấu đầu tư còn bất hợp lý,

các dự án FDI trên phạm vi cả nước nói chung và các tỉnh, thành phố DHNTB nói riêng chỉ tập trung ở một số địa phương có điều kiện thuận lợi (60% FDI tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai). Đối với các tỉnh DHNTB, các dự án tập trung vào Đà Nẵng, Khánh Hoà, Quảng Ngãi còn các địa phương khác rất hạn chế.

Cơ cấu ngành trong các dự án FDI chủ yếu là các dự án tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, còn các dự án thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ lệ rất thấp. Bình quân toàn vùng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm trên 86% trong đó công nghiệp trên 56%, dịch vụ trên 30%. Ở Đà Nẵng dự án công nghiệp và dịch vụ chiếm 87,6%, Khánh Hoà là 90%. Hiện nay các tỉnh có số dự án nông, lâm, ngư nghiệp còn rất ít, mặc dù Nhà nước đã có nhiều chính sách khuyến khích

Cảng cá Nha Trang



nhưng các doanh nghiệp thuộc các ngành này chiếm tỷ trọng vô cùng nhỏ.

Trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ chủ yếu phát triển các ngành có trình độ kỹ thuật công nghệ chưa cao. Đối với dịch vụ hiện chỉ tập trung các lĩnh vực dịch vụ kinh doanh bất động sản, du lịch... các lĩnh vực dịch vụ hiện đại chưa phát triển như dịch vụ tài chính, ngân hàng... Công nghiệp chủ yếu là công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghệ chế biến có công nghệ trung bình và lạc hậu dễ gây ô nhiễm môi trường, tận dụng lao động có tay nghề thấp.

Cơ cấu các đối tác đầu tư tại vùng DHNTB chủ yếu là các nước châu Á (Đông Nam Á, Nam Á) các nước châu Âu và Bắc Mỹ đã bắt đầu xuất hiện nhưng chiếm tỷ lệ thấp. Đến nay chỉ có khoảng 30 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia đầu tư. Các công ty đầu tư tại DHNTB phần lớn là các công ty vừa và nhỏ tiềm lực về vốn không cao, công nghệ lạc hậu. Những tập đoàn mạnh, đặc biệt là các công ty xuyên quốc gia chưa sẵn sàng đầu tư ở đây.

## **2. Tỷ lệ góp vốn trong các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài**

Những năm đầu mới thực hiện tiếp nhận đầu tư nước ngoài các tỉnh DHNTB có các dự án liên doanh chiếm đa số trong tổng dự án. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu là hình thức liên doanh với các doanh nghiệp nhà nước. Nhưng các liên doanh phía Việt Nam chỉ góp một phần nhỏ chủ yếu là đất đai, tỷ lệ vốn góp của các liên doanh thường dưới 30%. Trong quá trình kinh doanh các nhà đầu tư nước ngoài tìm mọi cách thôn tính vốn của Việt Nam bằng nhiều cách như rút ngắn thời gian khấu hao, tăng chi phí quảng cáo... dẫn đến doanh nghiệp thua lỗ, khiến bên

nước chủ nhà không đủ khả năng tài chính phải chuyển thành doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Hiện nay các liên doanh trên phạm vi cả nước nói chung cũng như DHNTB nói riêng hầu như đều do người nước ngoài quyết định, đây là điều tất yếu xảy ra vì trình độ quản lý của ta còn hạn chế và vốn góp của Việt Nam là rất nhỏ. Đối với các liên doanh phía Việt Nam cần phải lựa chọn những doanh nghiệp có khả năng tài chính, nếu không phần vốn góp ngày càng ít đi, doanh nghiệp thuộc về phía nước ngoài. Trong liên doanh không nhất thiết là doanh nghiệp nhà nước mà tất cả thành phần kinh tế có khả năng, đặc biệt là kinh tế tư nhân.

## **3. Nộp ngân sách của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

Do quy mô về số dự án và số vốn FDI ở các địa phương DHNTB còn nhiều hạn chế, vì vậy nộp ngân sách của các doanh nghiệp có vốn FDI còn rất thấp. So với tổng thu thuế từ FDI của cả nước thì thu từ FDI của các tỉnh DHNTB là nhỏ, năm 2005 chỉ bằng 4,2%. Chỉ có 2 địa phương là Đà Nẵng và Khánh Hoà là có số thu cao. Sở dĩ thu ngân sách từ các doanh nghiệp có vốn FDI thấp như vậy là do các dự án mới đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng và được miễn, giảm thuế, hơn nữa là số dự án và số vốn đầu tư ở vùng này còn ít. Một nguyên nhân quan trọng khác là công tác quản lý của ta còn yếu, để các doanh nghiệp trốn lậu thuế, tình trạng lách luật để trốn thuế thông qua hệ thống tư vấn luật diễn ra khá phổ biến và được sử dụng triệt để.

## **4. Đội ngũ cán bộ quản lý FDI**

Thời gian qua đội ngũ cán bộ quản lý đầu tư nước ngoài đã trưởng thành trong quá trình phát triển đất nước. Nhiều người được đào tạo chính quy trong và ngoài nước, có

trình độ chuyên môn giỏi, ngoại ngữ khá, thể hiện được tính chuyên nghiệp và trách nhiệm. Các địa phương miền Trung phần lớn cán bộ quản lý nhà nước về công tác FDI đều tham gia các khoá huấn luyện về Luật Đầu tư nước ngoài do các cơ quan Trung ương tổ chức. Một số tỉnh, thành đã tổ chức các khoá nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ liên quan đến hội nhập, chuyên môn trong công tác xúc tiến đầu tư, vì vậy đã đạt được một số kết quả trong công tác quản lý FDI. Tuy nhiên, năng lực quản lý của cán bộ vẫn còn nhiều hạn chế, chưa có tác phong làm việc trong cơ chế thị trường, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ còn yếu. Một số cán bộ tiêu cực gây khó dễ cho các nhà đầu tư, đặc biệt là khâu hoàn tất thủ tục đầu tư, các khâu có liên quan đến thủ tục hành chính, các đối tác nước ngoài bị cán bộ hành chính nhũng nhiễu gây cản trở cho công tác đầu tư.

## **5. Lao động ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**

Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã thu hút được một lực lượng lao động đáng kể. Tính đến cuối năm 2005 ở DHNTB đã có 15.302 lao động trực tiếp trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngoài ra có số lượng lớn lao động gián tiếp phục vụ cho các dự án này. Chỉ riêng số lao động trực tiếp chiếm khoảng 0,5% so với tổng số lao động toàn vùng. So với vùng Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam bộ tỷ lệ này là rất thấp, tuy cao hơn nhiều vùng khác trong cả nước. Trong những năm qua, các địa phương đã có nhiều biện pháp tích cực đẩy mạnh công tác dạy nghề nhằm cung cấp công nhân có tay nghề cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng. Nhưng về chất lượng lao động còn nhiều hạn chế, trình độ tay nghề rất

thấp khó tiếp nhận công nghệ tiên tiến. Số lao động qua đào tạo nghề chưa quá 20%.

Về tiền lương của người lao động trên địa bàn DHNTB cơ bản là thấp, bình quân cả vùng là 800.000đ/tháng, cao nhất 2,5 triệu/tháng, thấp nhất 500.000/tháng, mức lương này còn thấp hơn cả lương doanh nghiệp nhà nước, chỉ có lương công nhân của các doanh nghiệp có vốn của các nước phát triển như Mỹ, Nhật... là tương đối cao. Môi trường làm việc của người lao động không đảm bảo, các quyết định về bảo hộ, bảo hiểm và các điều kiện về an toàn lao động không được các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ.

### 6. Xây dựng dự án và tình trạng rút giấy phép trước thời hạn

Trong quá trình triển khai xây dựng các dự án, chúng ta cũng đã đạt được những thành công bước đầu. Tuy vậy so với yêu cầu đặt ra còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Số lượng dự án triển khai chậm hoặc đăng ký cấp phép rồi không triển khai được là khá lớn, hiện tượng này đã xảy ra ở hầu hết các địa phương DHNTB, chúng ta cần phải hạn chế tình trạng này.

Trong quá trình tiếp nhận đầu tư nước ngoài đến nay các tỉnh DHNTB đã phải rút giấy phép đầu tư khoảng 73 dự án, chiếm 22,9% so với tổng dự án có tới năm 2005, với tổng số vốn là 356,7 triệu USD chiếm khoảng 9,5% số vốn. Trong đó tỉnh Khánh Hoà có số dự án và số vốn chiếm tỷ lệ cao nhất. Bao gồm 30 dự án chiếm 32,2% so với tổng số dự án và nguồn vốn là 114,5 triệu USD chiếm 21,2% tổng số vốn. Tính có dự án và số vốn thấp nhất đó là Quảng Ngãi số vốn rút giấy phép chiếm 0,5%, số dự án 13,6%. Đa

Năng trong 10 năm có 20 dự án bị rút giấy phép chiếm 18,2% số dự án và số vốn 165,6 triệu USD chiếm 14,7% tổng số vốn. Việc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài rút giấy phép trước thời hạn có nhiều nguyên nhân trong đó chủ yếu do các nguyên nhân sau đây:

Phía Việt Nam: Thực hiện giải phóng mặt bằng bàn giao cho nhà đầu tư quá chậm trễ, khâu thủ tục cấp giấy phép có nhiều hạn chế không điều tra nắm bắt được khả năng tài chính, mục đích của các nhà đầu tư, năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp. Một số dự án phụ thuộc vào các dự án khác, đặc biệt là các dự án phục vụ cho những dự án lớn nhưng dự án lớn triển khai quá chậm kéo theo các dự án khác không thể tiến hành được.

Phía đầu tư nước ngoài: Do công ty mẹ khó khăn, có thể do thua lỗ buộc họ phải giảm quy mô sản xuất kinh doanh. Hoặc do năng lực tài chính của các công ty không đảm bảo, môi trường kinh doanh không thuận lợi. Tình trạng một số nhà đầu tư chỉ đăng ký để chiếm mặt bằng để buôn bán đất đai, tranh chấp trong các liên doanh vẫn xảy ra nên buộc phải chấm dứt trước thời hạn.

### 7. Ô nhiễm môi trường do tác động của FDI

Thời gian qua, các tỉnh DHNTB đã có những chú ý nhất định đến vấn đề giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường mà các doanh nghiệp FDI có khả năng mang đến. Nhiều khu công nghiệp đã có cơ sở xử lý nước thải. Tuy vậy, vấn đề ô nhiễm vẫn hiện hữu, chưa có khả năng chấm dứt do phần lớn công nghệ đầu tư vào đây đều là công nghệ trung bình, thậm chí lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường; việc đầu tư trang thiết bị xử lý ô nhiễm là rất tốn kém, ảnh hưởng đến lợi

nhuận của doanh nghiệp do đó nhà đầu tư không muốn đầu tư; các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường chưa hoạt động tích cực, chưa có nhiều biện pháp nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp thực thi tốt Luật Bảo vệ Môi trường. Tình trạng môi trường làm việc của một số xí nghiệp còn chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến sức khoẻ và vấn đề nhà ở của công nhân cũng là vấn đề bức xúc cần sớm giải quyết.

### 8. Một số vấn đề khác

Nhìn chung các dự án đều vướng mắc ở một số khâu như: các quy định pháp lý đến hoạt động đầu tư chưa đầy đủ, công tác quy hoạch và giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn. Có nhiều dự án đã được xây dựng và đang trên đà phát triển vướng phải vấn đề quy hoạch hoặc phải di dời làm ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sự phối kết hợp về phát triển kinh tế xã hội nói chung và FDI nói riêng của các địa phương trên địa bàn DHNTB còn nhiều hạn chế, mạnh ai nấy làm, cạnh tranh thiếu lành mạnh. Hoạt động xúc tiến đầu tư tuy đã có nhiều cố gắng nhưng gặp khó khăn do thiếu nguồn kinh phí để tổ chức các cuộc vận động, xúc tiến đầu tư nước ngoài cũng như để hoàn thành các tài liệu xúc tiến đầu tư. Hoạt động còn quá chung chung chưa có bài bản, chưa biết đối tác muốn và cần gì do vậy không thể lôi kéo được họ.

Tóm lại, FDI tại các tỉnh DHNTB đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần đưa Vùng vào quá trình hội nhập kinh tế. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, những vấn đề đặt ra đòi hỏi các địa phương này cần phải có nhiều biện pháp tích cực hơn nữa nhằm tăng khả năng tiếp nhận FDI. □